

Số: 268/2021/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số nội dung về kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV  
và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026  
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 19**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung về kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định một số nội dung về kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

## 2. Đối tượng áp dụng:

a) Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Ban Chỉ đạo bầu cử cấp huyện, Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã;

b) Ủy ban bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp huyện, Ủy ban bầu cử cấp xã;

c) Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã;

d) Tổ bầu cử;

đ) Các Tiểu ban, Tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử các cấp;

e) Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

## Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được như hòm phiếu, con dấu, bảng niêm yết,... huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách Nhà nước; không được sử dụng kinh phí bầu cử để mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị có thời gian sử dụng lâu dài dùng cho công tác chuyên môn.

2. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong cùng một nội dung chi thì chỉ được hưởng mức chi cao nhất. Danh sách đối tượng chi trả được thực hiện theo các nghị quyết, quyết định, văn bản thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các khoản chi phát sinh theo thực tế nhưng chưa được quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, giao Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ.

## Điều 3. Nội dung chi và mức chi:

1. Nội dung chi và mức chi: Trên cơ sở quy định tại Điều 2 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính được quy định cụ thể tại phụ biểu đính kèm.

2. Các nội dung chi khác không quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 4. Thời gian được hưởng hỗ trợ**

1. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng theo mức khoán/tháng phục vụ trong đợt bầu cử được tính từ khi có quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền đến khi kết thúc bầu cử nhưng tối đa không quá:

- a) 05 tháng đối với Ban Chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp;
- b) 03 tháng đối với Ban bầu cử;
- c) 02 tháng đối với Tổ bầu cử.

2. Thời gian hưởng chế độ hỗ trợ cước điện thoại di động phục vụ trong đợt bầu cử được tính từ khi có quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền đến khi kết thúc bầu cử nhưng tối đa không quá:

- a) 05 tháng đối với Ban Chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp;
- b) 03 tháng đối với Ban bầu cử.

**Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách Nhà nước các cấp đảm bảo, cụ thể:

1. Đối với các địa phương: Ngoài số kinh phí cấp trên hỗ trợ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chủ động báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung thêm nguồn kinh phí từ ngân sách cấp mình để phục vụ công tác bầu cử tại địa phương theo nội dung và mức chi quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Ngoài số kinh phí được phân bổ, trường hợp cần thiết, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp, bố trí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên từ dự toán năm 2021 của đơn vị mình để hỗ trợ cho công tác bầu cử.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban bầu cử tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 18 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 3 năm 2021.

2. Đối với khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đến công tác bầu cử đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có

hiệu lực, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- TT Tỉnh Ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - tin học;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu, VT, TH<sub>1</sub>.

**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Trung Dũng**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI BỒI DƯỠNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 268/2021/NQ-HĐND ngày 18/3/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện, cấp xã
1	<b>Chi xây dựng văn bản</b>			
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 63/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật	
b	Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 63/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi toàn tỉnh, toàn cấp huyện, toàn cấp xã do Ủy ban bầu cử các cấp, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử ban hành (kế hoạch, thông tri, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết công tác bầu cử)			
-	Chi xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu chỉnh lý)	đồng/văn bản	1.000.000	700.000
-	Chi tham gia ý kiến bằng văn bản		200.000 đồng/người/lần; tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 500.000 đồng/người/văn bản	150.000 đồng/người/lần; tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 400.000 đồng/người/văn bản
2	<b>Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử</b>		Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành	



TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện, cấp xã
3	Chi tổ chức hội nghị		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị	
4	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
5	Chi bồi dưỡng các cuộc họp			
a	Các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, các Ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử			
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	150.000	100.000
-	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	70.000	50.000
-	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	40.000	30.000
b	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử			
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	100.000	70.000
-	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	50.000	40.000
-	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	40.000	30.000
6	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, các Ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử (ngoài chế độ thanh toán công tác phí)			
a	Trưởng đoàn	đồng/người/buổi	150.000	100.000
b	Thành viên chính thức của đoàn	đồng/người/buổi	70.000	50.000
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn	đồng/người/buổi		
-	Phục vụ trực tiếp đoàn	đồng/người/buổi	50.000	40.000
-	Phục vụ gián tiếp đoàn (lái xe, bảo vệ)	đồng/người/buổi	40.000	30.000
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát			

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện, cấp xã
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	đồng/báo cáo	1.700.000	1.200.000
-	Chi tham gia ý kiến bằng văn bản		200.000 đồng/người/lần; tổng mức chi xin ý kiến tối đa không quá 500.000 đồng/người/văn bản	150.000 đồng/người/lần; tổng mức chi xin ý kiến tối đa không quá 400.000 đồng/người/văn bản
-	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	400.000	300.000
<b>7</b>	<b>Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử</b>			
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:			
-	Trưởng Ban chỉ đạo, Phó trưởng Ban chỉ đạo bầu cử các cấp; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.700.000	1.100.000
-	Thành viên Ban chỉ đạo bầu cử các cấp; Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó các Tiểu ban; Tổ trưởng tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Trưởng Ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.400.000	900.000
-	Thành viên các Tiểu ban, Tổ phó và thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Thành viên Ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.200.000	800.000
-	Tổ trưởng Tổ bầu cử	đồng/người/tháng		200.000
-	Thư ký Tổ bầu cử	đồng/người/tháng		150.000
-	Thành viên Tổ bầu cử	đồng/người/tháng		100.000
b	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử)	đồng/người/ngày	70.000	50.000
	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử từ 15 ngày trở lên, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa	đồng/người	1.000.000	700.000
c	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử	đồng/người/ngày	150.000	



TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện, cấp xã
8	<b>Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử</b>			
-	Trưởng Ban chỉ đạo, Phó trưởng Ban chỉ đạo bầu cử các cấp; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Trưởng Ban bầu cử	đồng/người/tháng	300.000	200.000
-	Thành viên Ban chỉ đạo bầu cử các cấp; Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó trưởng các Tiểu ban; Thành viên các Tiểu ban; Tổ trưởng, thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; thành viên Ban bầu cử	đồng/người/tháng	200.000	150.000
9	<b>Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử (không bao gồm cán bộ, công chức chuyên trách tiếp công dân đã được hưởng phụ cấp theo Nghị quyết số 199/2020/NQ-HĐND ngày 24/3/2020 của HĐND tỉnh)</b>			
a	Người được giao trực tiếp tiếp công dân	đồng/người/buổi	60.000	50.000
b	Người phục vụ việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	40.000	30.000
10	<b>Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác bầu cử</b>		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành	
11	<b>Chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử</b>		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành	
12	<b>Chi phí hành chính cho công tác bầu cử</b>			
a	Chi đóng hòm phiếu	đồng/hòm phiếu	350.000	
b	Chi khắc dấu	đồng/dấu	250.000	
c	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử	đồng/bảng	500.000	
d	Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu (nếu có); chi trang trí, loa đài; an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử; chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành	